**Phụ lục V**

**GIẤY PHÉP VẬN TẢI THỦY QUA BIÊN GIỚI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 03 năm 2012)*

*[TRANG BÌA - COVER]*

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Socialist Republic of Viet Nam

*[Hình quốc huy và/hoặc Biểu tượng của cơ quan cấp phép - insert national emblem and/or Logo of issuing authority]*

GIẤY PHÉP VẬN TẢI QUA BIÊN GIỚI

CROSS-BORDER TRANSPORTATION PERMIT

*[TRANG 1 - PAGE 1]*

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam -Socialist Republic of Viet Nam

*[Hình quốc huy và/hoặc Biểu tượng của cơ quan cấp phép - insert national emblem and/or Logo of issuing authority]*

GIẤY PHÉP VẬN TẢI QUA BIÊN GIỚI

CROSS-BORDER TRANSPORTATION PERMIT

Được cấp theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về Vận tải đường thuỷ

Issued under the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Royal Government of Cambodia on Waterway Transportation

do (tên cơ quan cấp) - by *[insert name of issuing authority]*

□ cho tầu đường thuỷ nội địa đi nhiều chuyến (Loại 1)

for an inland waterway vessel undertaking multiple trips (Category 1)

□ cho tầu đường thuỷ nội địa đi một chuyến khứ hồi (Loại 2)

for an inland waterway vessel undertaking one round trip (Category 2)

□ cho tầu đường thuỷ nội địa chở hàng nguy hiểm (Loại 3)

for an inland waterway vessel carrying dangerous goods (Category 3)

*[tick box]*

*[TRANG 2 - PAGE 2]*

CẤP PHÉP VÀ HẠN SỬ DỤNG - ISSUE AND VALIDITY

Số - This is Cross-Border Transportation Permit No. ..........................................................

Nước cấp - Issuing country: ..................................................................................................

Cơ quan cấp - Issuing authority: ...........................................................................................

Nơi cấp - Place of issue: .......................................................................................................

Ngày cấp - Date of issue: ......................................................................................................

Ngày hết hạn - Date of expiry: ..............................................................................................

Loại (ghi rõ loại tầu) - Category: [*either* 'inland waterway vessel undertaking multiple trips (Category 1)' *or* 'inland waterway vessel undertaking one round trip (Category 2)' *or* 'inland waterway vessel carrying dangerous goods (Category 3)']

Trên tầu - Name of vessel: .........................................

*[đóng dấu - insert name and/or stamp and/or signature of issuing authority of official]*

*[TRANG 3 - PAGE 3]*

GIA HẠN - RENEWALS

Ngày gia hạn - Date of renewal: ..........................................................................................

Ngày hết hạn mới - New date of expiry: ..............................................................................

Nơi gia hạn - Place of renewal: .............................................................................................

Ghi chú-Note ........................................................................................................................

*[insert name and/or stamp and/or signature of issuing authority of official]*

*[ TRANG 4 - PAGE 4]*

ĐẶC ĐIỂM CỦA TẦU - VESSEL PARTICULARS

Tên tầu - Name of vessel: ....................................................................................................

Chủng loại (mục đích) - Type and purpose of vessel: .........................................................

Số đăng ký - Registration no.: .............................................................................................

GRT: ....................................................................................................................................

DWT: ....................................................................................................................................

LOA: .....................................................................................................................................

Chiều rộng - Beam: ..............................................................................................................

Mớn tối đa - Maximum draught: .........................................................................................

Năm đóng - Year built: ........................................................................................................

Loại máy và số máy - Type and number of engine: ............................................................

Tốc độ tối đa - Maximum speed: .........................................................................................

HP / kW: ..............................................................................................................................

*[TRANG 5 - PAGE 5]*

CÁC CHI TIẾT VỀ CHỦ TẦU HOẶC NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN - OWNER OR OPERATOR PARTICULARS

Tên - Owner or operator of vessel: ......................................................................................

Địa chỉ - Address of owner or operator: ..............................................................................

*[theo đúng quy định - only if applicable under national law]*: Số công ty và giấy phép No. of company or operator's license: ...............................................................................

Nơi cấp - Place of issue: ....................................................................................................

Ngày cấp - Date of issue: .................................................................................................

Ngày hết hạn - Date of expiry: .............................................................................................

*[TRANG 6 - PAGE 6]*

TUYẾN ĐƯỜNG ĐI, CẢNG BẾN - ROUTES, PORTS AND TERMINALS

Theo Điều 15 (4) của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng Gia Campuchia về Vận tải đường thuỷ (nếu cần thiết) under Art 15(4) of The Agreement between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Royal Government of Cambodia on Waterway Transportation (if applicable)

Tuyến - Prescribed routes: ...................................................................................................

Cảng bến - Prescribed ports and/or terminals: .....................................................................

*[TRANG 7 ĐẾN 47 - PAGES 7-47]*

XÁC NHẬN - CERTIFICATIONS

kiểm tra tại cửa khẩu, cảng bến - of summary checks at the border gate and of inspections at the port or terminal of departure and at the port or terminal of destination

*[TRANG 48 - PAGE 48]*

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG - RULES OF USE

1. Giấy phép này có 48 trang không kể trang bìa

This Permit contains 48 pages with the exclusion of the cover pages.

2. Giấy phép này được mang ra nước ngoài cùng với tầu và sẽ được trình cho các cơ quan chức năng khi được yêu cầu

This Permit shall be carried on board of the vessel and shall be produced to the competent authorities upon request.

3. Chỉ tầu được ghi trên giấy phép này được sử dụng Giấy phép này

This Permit shall only be used for the vessel stated in it.

4. Giấy phép này chỉ được gia hạn một lần và sẽ không có giá trị vào ngày hết hiệu lực.

This Permit shall not be extended more than once and shall only remain valid until its date of expiry.

5. Giấy phép này cần được nộp trả lai cho cơ quan cấp

The expired Permit shall be returned to the issuing authority.

6. Những thay đổi, bổ sung và điều chỉnh trên Giấy phép này mà không được phép hoàn toàn bị cấm. Trong trường hợp bị mất cần báo ngay cho cơ quan cấp.

Unauthorised modification, addition or amendment of/to the Permit is strictly forbidden. Any case of loss should be immediately reported to the issuing authority.

7. Tầu chỉ được phép đi lại trên các tuyến, ra vào các cảng bến đã được ghi trong Giấy phép, tầu vận tải qua biên giới được phép đi lại trên các tuyến đường thuỷ quy định, ra vào các cảng bến được xác định trong Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng Gia Campuchia về Vận tải đường thuỷ.

The vessel shall only navigate within the prescribed routes and to and from the prescribed ports and terminals. If no specific routes, ports or terminals are prescribed in this Permit, a vessel engaged in cross-border transportation shall be permitted to use any of the regulated waterways and any of the ports and terminals designated under the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Royal Government of Cambodia on Waterway Transportation.

*Lưu ý:**Việc sử dụng các tuyến đường thuỷ quy định, các tuyến quá cảnh, cảng bến là đối tượng của luật định phù hợp với Hiệp định này. Các hoạt động giao thông thuỷ tại các khu vực cửa sông và vùng ven biển cần chú ý đặc biệt đến điều kiện địa hình địa phương.*